



Số: 48 /2014/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc
Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 02 năm 2014, từ trang 7 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài báo cáo này, chúng tôi có gửi kèm theo Thư quản lý số 02/2014/SVCT-TQL ngày 31 tháng 03 năm 2014 để đề xuất một số vấn đề trong công tác quản lý của Công ty



Nguyễn Quang Nhơn, Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, Chi nhánh Cần Thơ

Cần Thơ, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đặng Thị Thiên Nga

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0462-2013-107-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.059.954.230	79.967.608.516
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	8.211.470.076	6.543.520.542
1. Tiền	111		8.211.470.076	6.543.520.542
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.2	49.514.431.035	39.535.117.236
1. Phải thu khách hàng	131		50.335.110.303	38.461.208.379
2. Trả trước cho người bán	132		601.764.010	306.664.036
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1.226.901.455	767.244.821
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.649.344.733)	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		36.241.367.332	28.947.061.475
1. Hàng tồn kho	141	V.3	36.241.367.332	28.947.061.475
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.4	6.092.685.787	4.941.909.263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.000.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.078.685.787	4.941.909.263
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.364.890.092	47.851.904.161
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		43.178.629.486	46.054.824.161
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	33.081.101.927	29.104.439.515
- Nguyên giá	222		51.244.937.635	45.513.182.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.163.835.708)	(16.408.742.719)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	10.097.527.559	8.608.202.000
- Nguyên giá	228		10.162.280.844	8.608.202.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.753.285)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	8.342.182.646
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.7	1.797.080.000	1.797.080.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.797.080.000	1.797.080.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		389.180.606	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	389.180.606	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.424.844.322	127.819.512.677

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		77.694.954.119	66.696.481.395
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		73.867.753.930	62.805.181.206
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	47.981.772.903	42.421.946.025
2. Phải trả người bán	312	V.10	14.133.099.878	13.234.551.994
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	1.005.124	59.231.515
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	3.242.656.288	2.561.776.309
5. Phải trả người lao động	315		1.247.117.038	1.304.421.250
6. Chi phí phải trả	316	V.12	3.339.146.250	2.698.142.172
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	3.585.099.152	412.753.589
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		337.857.297	112.358.352
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		3.827.200.189	3.891.300.189
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.9	2.103.800.189	3.891.300.189
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.723.400.000	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.729.890.203	61.123.031.282
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	V.14	67.729.890.203	61.123.031.282
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26.399.600.000	26.399.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.363.666.700	19.363.666.700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		4.662.862	4.662.862
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.405.526.716	7.941.867.667
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.623.914.059	1.279.739.323
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.932.519.866	6.133.494.730
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.424.844.322	127.819.512.677

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		40.615.668	23.900.864
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Minh

Trang



Trần Nguyễn Minh Hiền
Người lập

Lê Thái Minh Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Kha
Giám đốc

Long Xuyên, ngày 25 tháng 02 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Mẫu số : B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		255.569.283.187	206.284.909.079
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.303.151.101	1.993.270.593
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	253.266.132.086	204.291.638.486
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	160.744.968.535	122.690.634.225
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	92.521.163.551	81.601.004.261
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	511.339.997	355.687.124
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.431.763.642	7.118.553.155
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.199.927.909	6.900.610.003
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	57.064.811.817	54.803.591.243
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	15.247.835.853	11.353.694.562
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.288.092.236	8.680.852.425
11. Thu nhập khác	31		66.299.538	285.492.936
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		66.299.538	285.492.936
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.7	15.354.391.774	8.966.345.361
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	4.321.871.908	2.082.850.631
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.7	11.032.519.866	6.883.494.730
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.179	2.607

mler

Trần Nguyễn Minh Hiền
Người lập

Ueadu

Lê Thái Minh Trang
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kha
Giám đốc

Long Xuyên, ngày 25 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	101.288.703.361	126.643.973.145
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(78.488.226.172)	(72.891.250.781)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.517.713.965)	(16.721.893.824)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5.278.115.037)	(6.788.022.513)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.161.823.587)	(894.081.472)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	56.623.471.759	37.274.831.415
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(52.368.030.073)	(63.429.760.344)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	98.266.286	3.193.795.626
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(425.396.536)	(2.811.977.263)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	40.341.210
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	392.561.906	331.708.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.834.630)	(2.439.927.961)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	83.161.539.169	84.592.893.915
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(79.389.212.291)	(79.863.318.651)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.169.809.000)	(2.609.926.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.602.517.878	2.119.649.264
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.667.949.534	2.873.516.929
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.543.520.542	3.670.003.613
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.211.470.076	6.543.520.542



Trần Nguyễn Minh Hiền
Người lập



Lê Thái Minh Trang
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Kha

Giám đốc
Long Xuyên, ngày 25 tháng 02 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600699279 đăng ký lần đầu ngày 03/06/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 02/08/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 26.399.600.000, trong đó:

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	316.800	3.168.000.000	12,00%
- Các cổ đông khác	2.323.160	23.231.600.000	88,00%
Cộng	2.639.960	26.399.600.000	100,00%

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 là 26.399.600.000 và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở của Công ty đặt tại số 27, đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có 2 chi nhánh đặt tại số 24, đường số 3, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh và số 66 đường Vũ Trọng Phụng, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện;
- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm dinh dưỡng;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán vacxin và sinh phẩm y tế;
- Mua bán tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Mua bán thức ăn gia súc;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Mua bán thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- In ấn bao bì;
- Kinh doanh bất động sản;



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Sản xuất tinh dầu từ thảo dược;
- Hoạt động hợp tác kinh doanh dịch vụ đại lý giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán, đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013 bao gồm các hoạt động sau:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện;
- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Mua bán thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng.

4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài Chính.

2. **Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. **Hình thức kế toán áp dụng:** Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3. Chính sách kế toán đối với nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu: các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở lên được phân loại là Tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán 2013, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Cuối năm 2013, Công ty không có khoản đầu tư nào bị giảm giá cần lập dự phòng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm 2013, chi phí đi vay được vốn hóa là 241.280.536.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Năm 2013, Công ty trích quỹ tiền lương căn cứ vào hợp đồng lao động, việc trả lương căn cứ vào hợp đồng lao động.

10. Nguyên tắc ghi nhận quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2013, Công ty trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ số tiền 1.723.400.000.

11. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Năm 2013, Công ty chưa phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp.

13. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Do chuyển đổi hình thức sở hữu từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần, Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%, được áp dụng trong 10 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với hoạt động sản xuất thuốc tân dược;
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%, đối với hoạt động mua bán thuốc tân dược và kinh doanh khác;
- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo;
- Kể từ năm 2010, Công ty không còn được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Nghị định số 24/2007.NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ và Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài Chính, khi thực hiện dự án đầu tư: Nhà máy Sản xuất Dược phẩm tiêu chuẩn GMP – WHO Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo;
- Năm 2013 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án này.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2013, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.506.190.977 (a)	913.848.129
Tiền gửi ngân hàng	6.705.279.099 (b)	5.629.672.413
Cộng	<u>8.211.470.076</u>	<u>6.543.520.542</u>

(a) Chi tiết số dư tiền mặt tại ngày 31/12/2013 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Tiền mặt tại Văn phòng Công ty	1.222.054.246
- Tiền mặt tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	284.136.731
Cộng	<u>1.506.190.977</u>

(b) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2013 như sau:

Ngân hàng	<u>Số tiền</u>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	4.078.256.031
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tân Bình – Phòng Giao dịch Lữ Gia	2.478.612.830
- Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh An Giang	130.993.454
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh An Giang	15.638.296
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh	1.778.488
Cộng	<u>6.705.279.099</u>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	50.335.110.303 (c)	38.461.208.379
Trả trước cho người bán	601.764.010 (d)	306.664.036
Các khoản phải thu khác	1.226.901.455 (e)	767.244.821
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(2.649.344.733)</u>	-
Cộng	<u>49.514.431.035</u>	<u>39.535.117.236</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2013 như sau:

Khách hàng	Số tiền	Dự phòng nợ khó đòi
- Các khách hàng thuộc khối bệnh viện	4.782.131.653	52.205.903
- Các khách hàng thuộc khối công ty dược ngoài tỉnh	777.427.454	40.901.084
- Các khách hàng thuộc khối công ty TNHH	293.144.825	148.336.362
- Các khách hàng thuộc khối công ty Thành phố	800.349.522	255.838.056
- Các khách hàng thuộc các khối khác	43.682.056.849	2.152.063.328
Cộng	50.335.110.303	2.649.344.733

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2013 như sau:

Người bán	Số tiền	Dự phòng nợ khó đòi
- Trả trước cho người bán tại Văn phòng Công ty	316.764.010	-
- Trả trước cho người bán tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	285.000.000	-
Cộng	601.764.010	-

(e) Chi tiết số dư phải thu khác tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền	Dự phòng nợ khó đòi
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	88.031.746	-
- Thuế thu nhập cá nhân	80.320.576	-
- Tạm ứng chi phí tiếp thị	1.054.944.774	-
- Các khoản phải thu khác	3.604.359	-
Cộng	1.226.901.455	-

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	19.676.920.858 (f)	11.308.690.925
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.735.050.632 (g)	2.779.336.872
Thành phẩm tồn kho	9.690.575.527 (h)	9.558.334.395
Hàng hóa tồn kho	5.138.820.315 (i)	5.300.699.283
Cộng giá gốc hàng tồn kho	36.241.367.332	28.947.061.475

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(f) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại ngày 31/12/2013 như sau:

Nguyên liệu, vật liệu	Số tiền
- Nguyên vật liệu chính	15.367.069.558
- Vật liệu phụ	4.309.851.300
Cộng	19.676.920.858

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(g) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2012 như sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	Số tiền
- Hoá chất	1.178.024.513
- Phụ liệu	557.026.119
Cộng	1.735.050.632

(h) Chi tiết số dư thành phẩm tồn kho tại ngày 31/12/2013 chủ yếu là thuốc tồn kho các loại.

(i) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho tại ngày 31/12/2013 như sau:

Hàng hóa	Số tiền
- Văn phòng Công ty	505.771.564
- Nhà thuốc số 1	118.471.313
- Nhà thuốc số 2	83.760.197
- Nhà thuốc số 3	64.118.754
- Nhà thuốc số 4	140.512.535
- Nhà thuốc số 6	127.793.936
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.098.392.016
Cộng	5.138.820.315

4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	14.000.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	6.078.685.787 (j)	4.941.909.263
Cộng	6.092.685.787	4.941.909.263

(j) Chi tiết số dư tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Tài sản thiếu chờ giải quyết	219.115.334
- Tạm ứng	1.074.045.420
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.785.525.033
Cộng	6.078.685.787

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	45.513.182.234	8.971.264.670	3.239.509.269	51.244.937.635
- Nhà cửa, vật kiến trúc	22.134.937.741	5.015.364.945	13.374.000	27.136.928.686
- Máy móc, thiết bị	18.453.729.933	3.837.543.725	551.687.897	21.739.585.761
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.994.247.036	-	121.297.092	1.872.949.944
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.930.267.524	118.356.000	2.553.150.280	495.473.244
Hao mòn lũy kế	16.408.742.719	2.955.356.680	1.200.263.691	18.163.835.708
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5.947.170.016	950.171.716	11.195.280	6.886.146.452
- Máy móc, thiết bị	8.198.004.913	1.709.782.591	343.792.473	9.563.995.031
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.393.694.455	192.438.246	108.545.820	1.477.586.881
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	869.873.335	102.964.127	736.730.118	236.107.344

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<i>Loại tài sản</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Giá trị còn lại	29.104.439.515			33.081.101.927
- Nhà cửa, vật kiến trúc	16.187.767.725			20.250.782.234
- Máy móc, thiết bị	10.255.725.020			12.175.590.730
- PT vận tải, TB truyền dẫn	600.552.581			395.363.063
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.060.394.189			259.365.900

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2013 như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Nhà xưởng dầu – mỡ - nước	5.015.364.945
- Máy móc xưởng dầu – mỡ - nước	3.568.098.237
- Các TSCĐ khác	387.801.488
Cộng	8.971.264.670

Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2013 như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Tài sản cố định hữu hình giảm do điều chỉnh sang tài sản cố định vô hình	1.554.078.844
- Tài sản cố định hữu hình giảm do kết chuyển sang công cụ, dụng cụ các tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu đồng theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC	1.685.430.425
Cộng	3.239.509.269

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.912.522.405
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.622.576.979
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

<i>Loại tài sản</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Nguyên giá	8.608.202.000	1.554.078.844	-	10.162.280.844
- Quyền sử dụng đất	8.608.202.000	-	-	8.608.202.000
- Phần mềm kế toán	-	1.554.078.844	-	1.554.078.844
Hao mòn lũy kế	-	64.753.285	-	64.753.285
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	-	64.753.285	-	64.753.285
Giá trị còn lại	8.608.202.000			10.097.527.559
- Quyền sử dụng đất	8.608.202.000			8.608.202.000
- Phần mềm kế toán	-			1.489.325.559



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số lượng cổ phần</u>	<u>Kết quả đầu tư năm 2013</u>
- Cổ phiếu Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar	20.000.000	-	-	20.000.000	3.000	11.550.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	187.280.000	-	-	187.280.000	17.424	38.332.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm OPC	21.300.000	-	-	21.300.000	2.130	8.987.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm 3/2	1.558.500.000	-	-	1.558.500.000	79.500	230.550.000
- Cổ phiếu Công ty CP Y Dược phẩm Việt Nam	10.000.000	-	-	10.000.000	100	15.000.000
Cộng	1.797.080.000	-	-	1.797.080.000	-	304.419.000

8. Vay và nợ ngắn hạn, vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ ngắn hạn	47.981.772.903 (k)	42.421.946.025
Vay và nợ dài hạn	2.103.800.189 (l)	3.891.300.189
Cộng	50.085.573.092	46.313.246.214

(k) Chi tiết số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2013 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Vay cá nhân	10.678.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN An Giang	36.123.924.532
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN An Giang	1.179.848.371
Cộng	47.981.772.903

(l) Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31/12/2013 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN An Giang	1.398.800.189
- Quỹ hỗ trợ Xã hội hóa tỉnh An Giang	705.000.000
Cộng	2.103.800.189

9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	14.133.099.878 (m)	13.234.551.994
Người mua trả tiền trước	1.005.124	59.231.515
Cộng	14.134.105.002	13.293.783.509

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(m) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2013 như sau:

Người bán	Số tiền
- Phải trả người bán tại Văn phòng Công ty	13.099.113.392
- Phải trả người bán tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.033.986.486
Cộng	14.133.099.878

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	611.603.088	355.617.868
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.228.881.348	2.068.833.027
- Thuế thu nhập cá nhân	402.171.852	132.057.844
- Tiền thuê đất	-	5.267.570
Cộng	3.242.656.288	2.561.776.309

11. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả	3.339.146.250 (n)	2.698.142.172
Cộng	3.339.146.250	2.698.142.172

(n) Chi tiết số dư chi phí phải trả tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Chi phí lãi vay	70.771.532
- Chi phí cho cộng tác viên	1.351.800.239
- Chi phí chăm sóc khách hàng	1.529.207.562
- Chi phí chiết khấu	387.366.917
Cộng	3.339.146.250

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.585.099.152 (o)	412.753.589
Cộng	3.585.099.152	412.753.589

(o) Chi tiết số dư các khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Tài sản thừa chờ giải quyết	375.660.297
- Kinh phí công đoàn	158.176.841
- Bảo hiểm xã hội	1.330.874
- Cổ tức phải trả	1.954.930.000
- Trương Vương Quốc Vũ	1.093.443.537
- Bệnh viện đa khoa huyện Thới Bình	1.197.603
- Hứa Thị Loan	360.000
Cộng	3.585.099.152

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Vốn chủ sở hữu

(a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước*

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	22.000.000.000	4.399.600.000	-	26.399.600.000
- Thặng dư vốn cổ phần	23.763.266.700	-	4.399.600.000	19.363.666.700
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.662.862	-	-	4.662.862
- Quỹ đầu tư phát triển	7.148.170.128	793.697.539	-	7.941.867.667
- Quỹ dự phòng tài chính	1.168.343.233	111.396.090	-	1.279.739.323
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.927.921.809	6.960.702.550	2.755.129.629	6.133.494.730
Cộng	56.012.364.732	12.265.396.179	7.154.729.629	61.123.031.282

(b) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay*

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.399.600.000	-	-	26.399.600.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19.363.666.700	-	-	19.363.666.700
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.662.862	-	-	4.662.862
- Quỹ đầu tư phát triển	7.941.867.667	1.463.659.049	-	9.405.526.716
- Quỹ dự phòng tài chính	1.279.739.323	344.174.736	-	1.623.914.059
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.133.494.730	11.032.519.866	6.233.494.730	10.932.519.866
Cộng	61.123.031.282	12.840.353.651	6.233.494.730	67.729.890.203

Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính tăng là do trích lập từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

(c) *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	316.800	3.168.000.000	12,00%
- Các cổ đông khác	2.323.160	23.231.600.000	88,00%
Cộng	2.639.960	26.399.600.000	100,00%

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có
 Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

(d) *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	26.399.600.000	22.000.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	4.399.600.000
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	26.399.600.000	26.399.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.959.962.000	2.609.926.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(e) **Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán trên cổ phiếu thường: chưa công bố

(f) **Cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.639.960	2.639.960
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	2.639.960	2.639.960
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	2.639.960	2.639.960
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.639.960	2.639.960
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	2.639.960	2.639.960
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Doanh thu thuần</u>	<u>Giá vốn</u>	<u>Lãi gộp</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Hàng hóa	95.278.877.058	79.350.137.231	15.928.739.827	16,72%
- Thành phẩm	157.987.255.028	81.394.831.304	76.592.423.724	48,48%
Cộng	253.266.132.086	160.744.968.535	92.521.163.551	36,53%

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Hàng bán bị trả lại – hàng hóa	116.295.619	39.304.822
- Hàng bán bị trả lại – thành phẩm	2.138.051.272	1.946.842.307
- Giảm giá hàng bán – hàng hóa	9.311.295	-
- Giảm giá hàng bán – thành phẩm	39.492.915	7.123.464
Cộng	2.303.151.101	1.993.270.593

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	180.509.188	44.572.624
- Cổ tức được chia	304.419.000	307.645.600
- Chiết khấu thanh toán	20.999.999	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.411.810	3.468.900
Cộng	511.339.997	355.687.124



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	5.199.927.909	6.900.610.003
- Chiết khấu thanh toán	89.326.673	138.509.525
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	142.509.060	79.433.627
Cộng	<u>5.431.763.642</u>	<u>7.118.553.155</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	16.086.083.398	22.734.867.301
- Chi phí vật liệu bao bì	544.626	2.523.862
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	81.471.922	81.000.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	130.036.960	808.177.769
- Chi phí hoa hồng, tiếp khách	10.955.966.204	6.639.619.844
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	586.767.992	24.537.402.467
- Chi phí bằng tiền khác	29.223.940.715	54.803.591.243
Cộng	<u>57.064.811.817</u>	<u>54.803.591.243</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.630.470.242	5.345.336.712
- Chi phí vật liệu quản lý	34.597.240	4.709.246
- Chi phí đồ dùng văn phòng	466.297.186	309.694.181
- Chi phí khấu hao TSCĐ	296.313.275	371.411.569
- Thuế, phí và lệ phí	760.127.191	833.908.703
- Chi phí dự phòng	212.935.750	134.525.970
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	712.180.355	760.018.420
- Chi phí bằng tiền khác	7.134.914.614	3.594.089.761
Cộng	<u>15.247.835.853</u>	<u>11.353.694.562</u>

7. Phân phối lợi nhuận

Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2013	6.133.494.730
Phân phối trong năm 2013	6.133.494.730
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.463.659.049
- Trích quỹ dự phòng tài chính	344.174.736
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	365.698.945
- Chia cổ tức năm 2012	3.959.962.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2013 (a)	15.354.391.774
Điều chỉnh các khoản giảm thu nhập chịu thuế	304.419.000
- Cổ tức được chia	304.419.000
Điều chỉnh các khoản tăng thu nhập chịu thuế	9.665.995.205
- Phạt chậm nộp thuế	6.302.871
- Chi phí khấu hao TSCĐ không có hóa đơn, chứng từ đúng quy định	3.422.447
- Chi phí lãi vay cá nhân vượt mức khống chế	12.594.950

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành Công ty	62.000.000
- Chi phí quảng cáo, tiếp tân, khuyến mãi... vượt mức khống chế	9.581.674.937
Lợi nhuận tính thuế năm tài chính 2013	24.715.967.979
Trong đó: - Lợi nhuận không được hưởng ưu đãi	66.299.538
- Lợi nhuận được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp	12.380.800.587
- Lợi nhuận chịu thuế 25%	12.268.867.854
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (b)	4.321.871.908
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2013 (c) = (a) - (b)	11.032.519.866
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	100.000.000
Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2013	10.932.519.866

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** không có
Trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.
- Thông tin về các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư phải thu /(phải trả)
Công ty CP Dược phẩm 3/2	Cổ đồng	Mua hàng	1.745.037.294	(81.650.721)
Công ty CP Dược phẩm Te Nam Y Dược	Cổ đồng	Mua hàng	59.749.831	(32.543.415)
Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	Cổ đồng	Bán hàng	11.520.733.770	
		Mua hàng	11.462.104.856	(747.875.064)
Công ty CP XNK Y tế Domesco	Cổ đồng	Bán hàng	6.524.318	
		Mua hàng	2.154.308.345	(26.651.757)

- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán.
- Thông tin về hoạt động liên tục:** Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.
- Thay đổi chính sách kế toán:** Trong năm không có bất kỳ thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu thường xuyên được theo dõi nợ và đơn đốc thanh toán. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản cho vay

Công ty không có cho các cá nhân hay tổ chức vay vốn.

9. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

NGƯỜI LẬP



TRẦN NGUYỄN MINH HIỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THÁI MINH TRANG

Long Xuyên, ngày 25 tháng 02 năm 2014

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN KHA